

Số: /QĐ-SYT

Lai Châu, ngày 11 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh
áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Phong Thổ**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Tờ trình số 103/TTr-TTYT ngày 07/5/2024 của Trung tâm Y tế huyện Phong Thổ về việc đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật bổ sung;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Trung tâm Y tế huyện Phong Thổ. Tổng số 376 danh mục kỹ thuật, trong đó: 141 kỹ thuật đúng tuyến, 235 kỹ thuật vượt tuyến (*Danh mục kỹ thuật chi tiết kèm theo*)

Điều 2. Trung tâm Y tế huyện Phong Thổ tổ chức triển khai, thực hiện danh mục kỹ thuật được phê duyệt phải đảm bảo theo quy định của Luật khám bệnh năm 2023, các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các ông, bà: Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan và Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Phong Thổ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- UBND huyện Phong Thổ;
- Trang TTĐT Sở Y tế (đăng tải);
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Hương

DANH MỤC KỸ THUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHONG THỔ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày 11/6/2024 của Sở Y tế tỉnh Lai Châu)

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến	Bệnh viện	
				Đúng tuyến	Vượt tuyến
Tổng cộng: 376 danh mục kỹ thuật				141	235
1	1.317	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	C	x	
2	1.318	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm hai nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	C	x	
3	1.319	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	C	x	
4	1.352	Nội soi tiêu hóa cầm máu cấp cứu bằng vòng cao su tại đơn vị hồi sức tích cực	C	x	
5	1.353	Nội soi thực quản – dạ dày – tá tràng cầm máu bằng kẹp clip đơn vị hồi sức cấp cứu và chống độc	C	x	
6	2.286	Nội soi can thiệp - cắt hớt niêm mạc ống tiêu hóa điều trị ung thư sớm	A		x
7	2.295	Nội soi can thiệp - cắt 1 polyp ống tiêu hóa < 1cm	B		x
8	2.290	Nội soi can thiệp - gấp giun, dị vật ống tiêu hóa	B		x
9	2.296	Nội soi can thiệp - cắt polyp ống tiêu hóa > 1cm hoặc nhiều polyp	B		x
10	2.264	Nội soi can thiệp - tiêm xơ búi giãn tĩnh mạch thực quản	B		x
11	2.265	Nội soi can thiệp - thắt búi giãn tĩnh mạch thực quản bằng vòng cao su	B		x
12	2.267	Nội soi can thiệp - cắt gấp bã thức ăn dạ dày	A		x
13	2.271	Nội soi can thiệp - tiêm cầm máu	B		x
14	2.285	Nội soi can thiệp - kẹp Clip cầm máu	B		x
15	2.298	Nội soi can thiệp - tiêm Histoacryl búi giãn tĩnh mạch phình vị	B		x
16	2.272	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori	C	x	
17	2.262	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết	C	x	

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến	Bệnh viện	
				Đúng tuyến	Vượt tuyến
18	2.307	Nội soi đại tràng sigma ổ có sinh thiết	C	x	
19	2.288	Nội soi ổ bụng	B		x
20	2.289	Nội soi ổ bụng có sinh thiết	B		x
21	2.304	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết	B		x
22	2.266	Nội soi can thiệp - Nong thực quản bằng bóng	B		x
23	2.231	Rút catheter đường hầm	B		x
24	2.326	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe gan	B		x
25	2.261	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc gây mê	B		x
26	3.993	Nội soi cầm máu mũi có sử dụng Meroxio (i bên)	B		x
27	3.2241	Cắt Amidan bằng Coblator	C	x	
28	3.1040	Nội soi cắt dưới niêm mạc điều trị ung thư sớm dạ dày	B		x
29	3.2721	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	A		x
30	3.1198	Định lượng T3 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	B		x
31	3.1200	Định lượng T4 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	B		x
32	3.2191	Khí dung mũi họng	D	x	
33	3.1059	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật	B		x
34	3.129	Mở thông bàng quang trên xương mu	C	x	
35	3.3855	Nắn, bó bột trật khớp háng	C	x	
36	3.3856	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	C	x	
37	3.3863	Nắn, bó bột trật khớp gối	C	x	

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến	Bệnh viện	
				Đúng tuyến	Vượt tuyến
38	3.3875	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	D	x	
39	3.3844	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	C	x	
40	3.3845	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	C	x	
41	3.3846	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	C	x	
42	3.3849	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	C	x	
43	3.3850	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	C	x	
44	3.3851	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	C	x	
45	3.3853	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	C	x	
46	3.3869	Nắn, bó bột gãy Monteggia	C	x	
47	3.3831	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O	B		x
48	3.3832	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	B		x
49	3.3831	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O	B		x
50	3.3832	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	B		x
51	3.3857	Nắn, bó bột gãy mâm chày	C	x	
52	3.3864	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	C	x	
53	3.3865	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	C	x	
54	3.3866	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	C	x	
55	3.3867	Nắn, bó bột gãy xương chày	C	x	
56	3.3841	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	C	x	
57	3.3842	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	C	x	

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến	Bệnh viện	
				Đúng tuyến	Vượt tuyến
58	3.3843	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	C	x	
59	3.3847	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	C	x	
60	3.3830	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	B		x
61	3.3833	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	B		x
62	3.3834	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi	B		x
63	3.3835	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	B		x
64	3.3838	Nắn, bó bột cột sống	C	x	
65	3.3858	Nắn, bó bột gãy xương chậu	C	x	
66	3.3859	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	C	x	
67	3.3861	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	C	x	
68	3.4165	Phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai, mũi, họng	C	x	
69	3.4165	Phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai, mũi, họng	C	x	
70	3.157	Cầm máu thực quản qua nội soi	B		x
71	3.159	Soi dạ dày thực quản chẩn đoán và cầm máu	B		x
72	3.1049	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa	B		x
73	3.1056	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hoá cao để chẩn đoán và điều trị	B		x
74	3.1057	Nội soi thực quản-dạ dày, tiêm cầm máu	B		x
75	3.161	Soi đại tràng sinh thiết	B		x
76	3.1066	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	B		x
77	3.1052	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	B		x

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến	Bệnh viện	
				Đúng tuyến	Vượt tuyến
78	3.1055	Nội soi ổ bụng- sinh thiết	B		x
79	3.1060	Siêu âm nội soi dạ dày, thực quản	B		x
80	3.997	Nội soi mũi, họng có sinh thiết	B		x
81	3.997	Nội soi mũi, họng có sinh thiết	B		x
82	3.1061	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết	B		x
83	3.1061	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết	B		x
84	3.2587	Cắt u amidan qua đường miệng	B		x
85	3.2665	Cắt u trực tràng ống hậu môn đường dưới	B		x
86	3.2523	Cắt nang vùng sàn miệng và tuyến nước bọt dưới hàm	B		x
87	3.2594	Cắt tuyến nước bọt dưới hàm	B		x
88	3.1527	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) $\pm$ 1OL	B		x
89	3.1559	Lấy thể tinh sa, lệch bằng phương pháp Phaco, phối hợp cắt dịch kính $\pm$ 1OL	B		x
90	3.3961	Phẫu thuật nội soi nạo V.A	B		x
91	3.4079	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	B		x
92	3.4080	Phẫu thuật nội soi cắt ruột non	B		x
93	3.4137	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	B		x
94	3.4139	Phẫu thuật nội soi điều trị buồng trứng bị xoắn	B		x
95	3.4140	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng	B		x
96	3.4141	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	B		x
97	3.4071	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	B		x

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến	Bệnh viện	
				Đúng tuyến	Vượt tuyến
98	3.4134	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	B		x
99	3.4135	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung toàn phần	B		x
100	3.3955	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	B		x
101	3.4078	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc ruột thừa	B		x
102	3.2640	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính 5 - 10cm	B		x
103	3.169	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	C	x	
104	3.2331	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe	C	x	
105	3.998	Nội soi thanh quản ống mềm không sinh thiết	B		x
106	3.24	Sốc điện phá rung nhĩ, con tim đập nhanh	B		x
107	3.3826	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	D	x	
108	3.3911	Thay băng, cắt chỉ	D	x	
109	3.3911	Thay băng, cắt chỉ	D	x	
110	3.3911	Thay băng, cắt chỉ	D	x	
111	3.3911	Thay băng, cắt chỉ	D	x	
112	3.3911	Thay băng, cắt chỉ	D	x	
113	3.995	Nội soi thanh quản treo cắt hạt xơ	B		x
114	3.2121	Chích rạch màng nhĩ	B		x
115	3.2104	Vá nhĩ đơn thuần	B		x
116	7.225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	D	x	
117	7.225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	D	x	

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến	Bệnh viện	
				Đúng tuyến	Vượt tuyến
118	7.225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	D	x	
119	7.225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	D	x	
120	7.225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	D	x	
121	10.9005	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm	C	x	
122	10.9005	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm	C	x	
123	10.9005	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm	C	x	
124	10.9005	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm	C	x	
125	10.1011	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	B		x
126	10.1018	Nắn, bó bột trật khớp gối	B		x
127	10.1031	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	B		x
128	10.1007	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	B		x
129	10.1008	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	B		x
130	10.1027	Nắn, bó bột gãy Monteggia	B		x
131	10.1010	Nắn, bó bột trật khớp háng	B		x
132	10.987	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0	B		x
133	10.988	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	B		x
134	10.1012	Nắn, bó bột gãy mâm chày	B		x
135	10.1019	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	B		x
136	10.1020	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	B		x
137	10.1021	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	B		x

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến	Bệnh viện	
				Đúng tuyến	Vượt tuyến
138	10.1026	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	B		x
139	10.987	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0	B		x
140	10.988	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	B		x
141	10.1012	Nắn, bó bột gãy mâm chày	B		x
142	10.1019	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	B		x
143	10.1020	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	B		x
144	10.1021	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	B		x
145	10.1026	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	B		x
146	10.998	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	B		x
147	10.999	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	B		x
148	10.1002	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	B		x
149	10.1003	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	B		x
150	10.1004	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	B		x
151	10.1005	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	B		x
152	10.1006	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	B		x
153	10.997	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	B		x
154	10.998	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	B		x
155	10.999	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	B		x
156	10.1002	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	B		x
157	10.1003	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	B		x

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến	Bệnh viện	
				Đúng tuyến	Vượt tuyến
158	10.1004	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	B		x
159	10.1005	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	B		x
160	10.1006	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	B		x
161	10.986	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	B		x
162	10.989	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	B		x
163	10.990	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	B		x
164	10.994	Nắn, bó bột cột sống	B		x
165	10.1014	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi	B		x
166	10.1016	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	B		x
167	10.986	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	B		x
168	10.989	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	B		x
169	10.990	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	B		x
170	10.1013	Nắn, bó bột gãy xương chậu	B		x
171	10.1014	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi	B		x
172	10.1016	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	B		x
173	10.1023	Nắn, bó bột gãy xương gót	B		x
174	10.1017	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	B		x
175	10.947	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	B		x
176	10.979	Phẫu thuật viêm xương	B		x
177	10.980	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	B		x

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến	Bệnh viện	
				Đúng tuyến	Vượt tuyến
178	10.533	Cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	A		x
179	10.847	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	B		x
180	10.394	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	B		x
181	10.733	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	B		x
182	10.741	Phẫu thuật KHX gãy phức tạp khớp khuỷu	B		x
183	10.745	Phẫu thuật KHX gãy chỏm đốt bàn và ngón tay	A		x
184	10.746	Phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay	A		x
185	10.747	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay	A		x
186	10.775	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong	B		x
187	10.776	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài	B		x
188	10.777	Phẫu thuật KHX gãy hai mâm chày	A		x
189	10.783	Phẫu thuật KHX gãy 2 mắt cá cổ chân	A		x
190	10.787	Phẫu thuật KHX gãy trật xương sên	A		x
191	10.788	Phẫu thuật KHX gãy xương gót	A		x
192	10.792	Phẫu thuật KHX gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	A		x
193	10.816	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay	B		x
194	10.817	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay	B		x
195	10.915	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	B		x
196	10.919	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	B		x
197	10.920	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân	B		x

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến	Bệnh viện	
				Đúng tuyến	Vượt tuyến
198	10.921	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	B		x
199	10.922	Phẫu thuật sửa chữa di chứng gãy, bong sụn tiếp vùng cổ chân	A		x
200	10.566	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)	C	x	
201	10.233	Phẫu thuật cắt u nhày nhĩ trái	B		x
202	10.265	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10 cm)	B		x
203	10.984	Phẫu thuật rút nếp, dụng cụ kết hợp xương	C	x	
204	10.9003	Thay băng	D	x	
205	10.9003	Thay băng	D	x	
206	10.9003	Thay băng	D	x	
207	10.9003	Thay băng	D	x	
208	10.9003	Thay băng	D	x	
209	10.9003	Thay băng	D	x	
210	11.21	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	B		x
211	11.18	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	B		x
212	11.20	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	A		x
213	11.27	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	B		x
214	11.24	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn	B		x
215	11.26	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	A		x
216	11.134	Gây mê thay băng bệnh nhân có diện tích bỏng từ 10 – 39% diện tích cơ thể	C	x	
217	11.87	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	C	x	

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến	Bệnh viện	
				Đúng tuyến	Vượt tuyến
218	12.45	Cắt u cơ vùng hàm mặt	B		x
219	12.295	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	B		x
220	12.91	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	B		x
221	12.91	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	B		x
222	12.147	Cắt u amidan	B		x
223	12.210	Cắt u trực tràng ống hậu môn đường dưới	B		x
224	12.65	Cắt nang vùng sàn miệng và tuyến nước bọt dưới hàm	B		x
225	12.320	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	C	x	
226	12.321	Cắt u bao gân	B		x
227	12.191	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính 5 - 10 cm	B		x
228	13.61	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	B		x
229	13.120	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục	B		x
230	13.6	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)	B		x
231	13.65	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	B		x
232	13.85	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung	B		x
233	13.121	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc	B		x
234	13.126	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung	B		x
235	13.76	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	B		x
236	13.77	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung	B		x
237	13.79	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai	B		x

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyển	Bệnh viện	
				Đúng tuyển	Vượt tuyển
238	13.80	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn	C	x	
239	13.81	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung	C	x	
240	13.82	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	C	x	
241	13.83	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	C	x	
242	13.87	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	B		x
243	13.88	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ	B		x
244	13.90	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ	C	x	
245	13.63	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	B		x
246	13.64	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	B		x
247	13.133	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung	B		x
248	13.221	Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng	B		x
249	13.89	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán + tiêm MTX tại chỗ điều trị thai ngoài tử cung	B		x
250	13.131	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa	B		x
251	13.99	Phẫu thuật nội soi sa sinh dục nữ	B		x
252	13.223	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ	C	x	
253	13.73	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	B		x
254	14.5	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL	B		x
255	15.149	Phẫu thuật cắt Amidan gây mê	C	x	
256	15.150	Phẫu thuật cắt amidan bằng Coblator	C	x	
257	15.46	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	C	x	

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyển	Bệnh viện	
				Đúng tuyển	Vượt tuyển
258	15.42	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp ống tai ngoài	B		x
259	15.123	Phẫu thuật chỉnh hình sống mũi sau chấn thương	B		x
260	15.208	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amidan, Nạo VA	C	x	
261	15.81	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi	C	x	
262	15.81	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi	C	x	
263	15.234	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	C	x	
264	15.236	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	C	x	
265	15.235	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê	C	x	
266	15.237	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê	C	x	
267	15.234	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	C	x	
268	15.236	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	C	x	
269	15.235	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê	C	x	
270	15.237	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê	C	x	
271	15.156	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Coblator (gây mê)	C	x	
272	15.157	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Microdebrider (Hummer) (gây mê)	C	x	
273	15.137	Nội soi sinh thiết u vòm	C	x	
274	15.137	Nội soi sinh thiết u vòm	C	x	
275	15.230	Nội soi hạ họng ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	C	x	
276	15.231	Nội soi hạ họng ống mềm sinh thiết u gây tê	C	x	
277	15.243	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết u gây tê	C	x	

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến	Bệnh viện	
				Đúng tuyến	Vượt tuyến
278	15.232	Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê	C	x	
279	15.233	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê	C	x	
280	15.149	Phẫu thuật cắt Amidan gây mê	C	x	
281	15.151	Phẫu thuật cắt u Amidan	B		x
282	15.149	Phẫu thuật cắt Amidan gây mê	C	x	
283	15.151	Phẫu thuật cắt u Amidan	B		x
284	15.197	Phẫu thuật cắt một phần đáy lưỡi	B		x
285	15.288	Phẫu thuật cắt môm trâm theo đường miệng	B		x
286	15.359	Phẫu thuật cắt Amidan bằng Plasma	C	x	
287	15.361	Phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	B		x
288	15.104	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa	C	x	
289	15.295	Phẫu thuật lấy nang rò khe mang II	B		x
290	15.293	Phẫu thuật rò khe mang I	B		x
291	15.94	Phẫu thuật nội soi cắt u vùng vòm mũi họng	B		x
292	15.155	Phẫu thuật nạo V.A nội soi	B		x
293	15.97	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	B		x
294	15.110	Phẫu thuật thùng vách ngăn mũi	C	x	
295	15.111	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ thùng vách ngăn mũi	C	x	
296	15.112	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn	C	x	
297	15.35	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi	C	x	

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến	Bệnh viện	
				Đúng tuyến	Vượt tuyến
298	15.36	Phẫu thuật tạo hình màng nhĩ	B		x
299	15.48	Đặt ống thông khí màng nhĩ	C	x	
300	15.49	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	C	x	
301	15.360	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Plasma (gây mê)	C	x	
302	15.166	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xo/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê)	C	x	
303	15.167	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xo/u hạt dây thanh bằng ống soi mềm gây tê	B		x
304	15.303	Thay băng vết mổ	D	x	
305	15.303	Thay băng vết mổ	D	x	
306	15.238	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê	C	x	
307	15.242	Nội soi thanh quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	C	x	
308	15.136	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	C	x	
309	15.226	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	C	x	
310	15.227	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê	C	x	
311	15.209	Cắt phanh lưỡi	C	x	
312	15.34	Vá nhĩ đơn thuần	C	x	
313	17.240	Kỹ thuật bó bột cánh-cẳng-bàn tay không nắn làm khuôn nẹp bàn tay trên khuỷu	C	x	
314	17.241	Kỹ thuật bó bột cánh-cẳng-bàn tay có nắn làm khuôn nẹp bàn tay trên khuỷu	C	x	
315	17.240	Kỹ thuật bó bột cánh-cẳng-bàn tay không nắn làm khuôn nẹp bàn tay trên khuỷu	C	x	
316	18.81	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)	D	x	
317	18.81	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)	D	x	

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyển	Bệnh viện	
				Đúng tuyển	Vượt tuyển
318	18.633	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm	B		x
319	20.60	Nội soi cắt dưới niêm mạc điều trị ung thư sớm dạ dày	A		x
320	20.73	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	B		x
321	20.63	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	B		x
322	20.66	Nội soi ổ bụng- sinh thiết	B		x
323	20.8	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng có sinh thiết	C	x	
324	20.13	Nội soi tai mũi họng	C	x	
325	20.13	Nội soi tai mũi họng	C	x	
326	20.79	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kết hợp sinh thiết	B		x
327	20.10	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán	C	x	
328	22.502	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	C	x	
329	22.286	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	C	x	
330	22.502	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	C	x	
331	22.283	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)	C	x	
332	22.284	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)	C	x	
333	22.288	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	C	x	
334	22.287	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	C	x	
335	22.293	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) bằng công nghệ hồng cầu gắn từ	B		x
336	22.289	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	B		x

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến	Bệnh viện	
				Đúng tuyến	Vượt tuyến
337	22.290	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	B		x
338	22.294	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) trên hệ thống máy tự động hoàn toàn	B		x
339	22.116	Định lượng Ferritin	B		x
340	23.4	Định lượng ADH (Anti Diuretic Hormone) [Máu]	A		x
341	23.24	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu]	B		x
342	23.44	Định lượng CK-MB mass [Máu]	B		x
343	23.207	Định lượng Clo (dịch não tủy)	C	x	
344	23.228	Định lượng CRP	C	x	
345	23.63	Định lượng Ferritin [Máu]	B		x
346	23.66	Định lượng free bHCG (Free Beta Human Chorionic Gonadotropin) [Máu]	B		x
347	23.109	Đo hoạt độ Lipase [Máu]	B		x
348	23.156	Định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies) [Máu]	B		x
349	23.162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	B		x
350	24.180	HIV đo tải lượng hệ thống tự động	B		x
351	24.91	Rickettsia Ab miễn dịch tự động	B		x
352	24.163	HEV Ab test nhanh	D	x	
353	26.26	Phẫu thuật vi phẫu thanh quản	B		x
354	27.90	Phẫu thuật nội soi cắt u trung thất nhỏ (< 5 cm)	B		x
355	27.263	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp - xe gan	B		x
356	27.414	Phẫu thuật nội soi cắt khối chứa ngoài tử cung	B		x

STT	TT43, 21	Tên theo Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến	Bệnh viện	
				Đúng tuyến	Vượt tuyến
357	27.418	Phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang	B		x
358	27.184	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	B		x
359	27.185	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non	B		x
360	27.432	Phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai	B		x
361	27.434	Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	B		x
362	27.187	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	C	x	
363	27.188	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	C	x	
364	27.189	Phẫu thuật nội soi cắt lại móm ruột thừa	B		x
365	27.190	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong ổ bụng	C	x	
366	27.429	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU	A		x
367	27.273	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	C	x	
368	27.10	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn	B		x
369	27.142	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	B		x
370	27.144	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	B		x
371	27.413	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai	B		x
372	27.265	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	B		x
373	27.266	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	B		x
374	27.272	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kehr	A		x
375	28.158	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai	C	x	
376	28.158	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai	C	x	